

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST

Ngày 04-8- 2017

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hòa

2. Bà Khuru Liên Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Lý Thê Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Lê Bình Phương N** (tên thường gọi: **B**), sinh năm 1989; địa chỉ: Đường Đ, khóm 2, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

* **Bị đơn:** Chị **Cao Kim T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Đường C, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: đường N, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Cao Kim L**, sinh năm 1968; Địa chỉ: đường N, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Chị **Ngô Thị L1**, sinh năm 1987. Địa chỉ: đường N, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh N có mặt, chị T, chị L và bà L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/2/2017, biên bản hòa giải và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Bình Phương N trình bày:

Anh và chị Cao Kim T tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, việc kết hôn là do hai người tự nguyện. Sau khi kết hôn chị T về sống tại nhà cha mẹ anh N ở khóm 2, phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu khoảng 2 tuần đầu sau đó anh chị được cha mẹ ruột của anh cho mượn căn nhà tại số khóm 2, phường 7, thành phố B để sống riêng. Trong quá trình chung sống chị T thường hay

nói dối anh về vấn đề sinh hoạt hằng ngày, vào ban ngày chị T bỏ nhà đi đâu làm gì cũng không nói với anh chỉ về nhà vào lúc chiều tối nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị càng trầm trọng khi chị T vay nợ bên ngoài không nói với anh để người cho vay đến nhà và cơ quan của anh yêu cầu trả nợ làm ảnh hưởng đến công việc và uy tín của anh. Sau khi sự việc xảy ra chị T đã về nhà mẹ ruột sống từ tháng 11/2016 đến nay. Nay, anh N cảm thấy không còn tình cảm với chị T, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh N xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn chị Cao Kim T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 24/3/2017 và biên bản hòa giải ngày 24/3/2017 trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh N về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, giữa chị và anh N không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng cãi nhau về vấn đề sinh hoạt trong gia đình và chị thừa nhận cũng có nói dối anh N. Việc anh N xin ly hôn với chị là do anh N phát hiện chị có nợ bên ngoài. Nay chị không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với anh N.

- Chị T thống nhất với lời trình bày của anh N đối với quan hệ con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định sau khi kết hôn, chị có vay tiền của chị Ngô Thị L 400.000.000 đồng để chi phí sinh hoạt trong gia đình và làm ăn. Khi vay tiền của chị L thì anh N không biết, khi chị L đến đòi tiền thì chị có nhờ anh N viết dùm biên nhận nợ số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 02/10/2016 đưa cho chị L. Sau đó, chị L đã đơn yêu cầu vợ chồng anh chị trả nợ đến cơ quan anh N đang làm việc là Phòng An Ninh kinh tế Công An tỉnh Bạc Liêu, nên anh N có hỏi mượn mẹ chị là bà Cao Kim L 200.000.000 đồng để trả cho chị L, sau đó chị có tiếp tục trả cho chị L 03 lần với tổng số tiền 9.000.000 đồng, còn nợ lại 191.000.000 đồng. Nay, chị T yêu cầu anh N trả cho mẹ chị là bà L 200.000.000 đồng, chị sẽ trả cho chị L 191.000.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Kim L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2017 và tại biên bản hòa giải ngày 08/6/2017 bà trình bày:* Chị T và anh N là con gái và con rể của bà. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của các con là do vợ chồng T nợ chị L số tiền 400.000.000 đồng, chị L có điện thoại bên gia đình N và gửi đơn vào nơi làm việc của N yêu cầu vợ chồng N trả nợ, sau khi sự việc xảy ra N đã chở T về nhà bà và không tới lui thăm nom gì T hết. Vợ chồng T nợ bà 200.000.000 đồng là có có xảy ra trên thực tế vì khi chị L gửi đơn đến cơ quan N làm việc, do sợ phát sinh rắc rối N có nói bà trả nợ cho T nên bà đã đưa 200.000.000 đồng cho T để trả cho chị L. Trước đây, bà có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng T trả cho bà số tiền này nhưng nay bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết vì các con gặp khó khăn thì bà cho con trả nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị L vắng mặt tại phiên tòa*

nhưng theo biên bản hòa giải ngày 08/6/2017 và các lời khai ngày 19/5/2017, 22/6/2017 chi trình bày: Chị T trực tiếp đứng ra vay tiền của chị tổng cộng 05 lần, cụ thể: tháng 5/2015 là 50.000.000 đồng, tháng 11/2015 là 100.000.000 đồng, tháng 7/2016 là 150.000.000 đồng, tháng 8/2016 là 50.000.000 đồng và tháng 10/2016 là 50.000.000 đồng, với tổng số tiền các lần vay là 400.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Do là chỗ bạn bè, tin tưởng lẫn nhau nên tất cả các lần vay đều không làm biên nhận nợ. Chị T là người trực tiếp đóng tiền lãi cho chị đến tháng 10/2016 thì ngưng đóng. Ngày 02/10/2016, khi chị đến nhà gặp chị T đòi nợ và yêu cầu viết biên nhận nợ thì anh N viết biên nhận và chị T ký tên thừa nhận còn nợ chị số tiền 400.000.000 đồng và cam đoan trả nợ nhưng không thực hiện nên chị yêu cầu cơ quan anh N giải quyết thì chị được chị T trả số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 14/12/2016 tại Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Bạc Liêu là nơi anh N làm việc. Số tiền còn nợ lại 200.000.000 đồng thỏa thuận hàng tháng sẽ đến nơi làm việc của anh N để nhận 3.000.000 đồng, chị đã nhận được 3 lần vào 3 tháng liên tiếp là ngày 05/01/2017; 05/02/2017; 05/3/2017, tổng cộng 9.000.000 đồng, anh N và chị T còn nợ lại số tiền 191.000.000 đồng. Chị L yêu cầu anh N, chị T mỗi người phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền 95.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi số tiền này.

**Tại phiên tòa anh N xác định:* Số tiền 400.000.000 đồng chị T vay của chị L trước thời gian kết hôn anh hoàn toàn không biết. Đến ngày 02/10/2016, khi chị L đến trước nhà gặp chị T đòi nợ, yêu cầu chị T viết biên nhận nợ, chị T vào nhà mới nói với anh có nợ tiền chị L và nhờ anh viết biên nhận dùm vì chị T không biết cách viết biên nhận nên anh viết dùm để chị T ký tên vào biên nhận đưa cho chị L. Chị T cho rằng vay tiền để chi tiêu trong gia đình và làm ăn nhưng thực tế anh có thu nhập ổn định đủ lo cuộc sống cho gia đình, chị T không mua sắm gì trong gia đình, anh cũng không biết chị T làm gì và vay tiền mục đích gì, vì sau khi phát hiện số nợ anh có hỏi thì chị T không trả lời nguyên nhân vay nợ. Đối với việc chị T cho rằng anh hỏi mượn tiền của mẹ vợ anh là bà Cao Kim L 200.000.000 đồng là không có. Nay, anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị T và chị L.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về vụ án:*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Chị Thoa và anh N có làm lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh N và chị T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 11/2016 đến nay. Thực tế chị T cũng bỏ địa phương đi từ tháng 05/2017 đến nay nên không có điều kiện hàn gắn tình cảm, tại phiên tòa anh N xác định không còn tình cảm với chị T và cương quyết ly hôn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh N với chị T.

Về con chung, tài sản chung: Chị T, anh N thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng anh chị có nợ chị L 191.000.000 đồng, nợ bà Cao Kim L 200.000.000 đồng, yêu cầu anh N cùng trả nợ. Anh N không đồng ý vì số nợ này chị T vay trước khi kết hôn. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cao Kim L xác định số tiền 200.000.000 đồng bà đã cho vợ chồng chị T và anh N mượn, không yêu cầu chị T và anh N trả nợ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị L có đơn yêu cầu anh N và chị T có trách nhiệm trả cho chị 191.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập của chị L thì chị không nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu Tòa án. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 146; Khoản 2 Điều 195, điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không có cơ sở giải quyết yêu cầu của chị trong cùng vụ án này. Chị L có quyền khởi kiện vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu. Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] *Về tố tụng dân sự:*

- *Thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Lê Bình Phương N yêu cầu ly hôn với chị Cao Kim T, xét đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; đồng thời bị đơn cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Chị Cao Kim T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có người đại diện tham gia phiên tòa; chị Ngô Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa sau khi nghe Thư ký phổ biến nội quy phiên tòa đã ra về không có lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Kim L có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối chị T, chị L và bà L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Bình Phương N và chị Cao Kim T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 11/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống giữa anh N và chị T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do chị T thường xuyên vắng nhà, không chăm lo cho gia đình. Theo anh N xác định chị T nhiều lần nói dối anh về nhiều vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng và chị T có vay nợ bên ngoài mà không cho anh biết, khi sự việc được phát hiện vợ chồng thường xuyên bất hòa cự cãi làm cho mâu thuẫn giữa anh chị ngày

càng trầm trọng. Chị T cũng thừa nhận có nói dối anh N, vợ chồng có cự cãi nhưng chưa đến mức độ trầm trọng nên chị T không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh N và chị T là có xảy ra trên thực tế, anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2016 nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Việc chị T cho rằng vẫn còn thương anh N nhưng chị T không cùng anh N tìm hướng khắc phục tình trạng hôn nhân đang rạn nứt mà trong thời gian sống ly thân chị T đã tự bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 5/2017 đến nay, khi đi không thông báo với người thân và anh N về việc đi đâu và làm gì, cho thấy chị T đã bỏ mặc không còn thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng xuất phát từ hai phía, tuy chị T không đồng ý ly hôn nhưng anh N kiên quyết ly hôn vì không còn tình cảm với chị T, do vậy cuộc sống vợ chồng của anh N và chị T khó có thể hàn gắn được thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh N được ly hôn với chị T.

[3] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống anh N và chị T thống nhất xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Anh N và chị T xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Anh N xác định anh và chị T không có nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, tuy nhiên chị T xác định vợ chồng anh chị còn nợ bà Cao Kim L số tiền 200.000.000 đồng và chị Ngô Thị L số tiền 191.000.000 đồng, chị T yêu cầu anh N cùng phải có trách nhiệm trả với chị số tiền này. Anh N xác định số nợ trên là nợ riêng của chị T vay trước hôn nhân, anh không đồng ý cùng chị T trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với khoản nợ 200.000.000 đồng của bà L: Bà L xác định không yêu cầu gì đối với anh N và chị T do bà cho các con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L và sự tự nguyện này phù hợp theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với khoản nợ này.

- Đối với khoản nợ 191.000.000 đồng của chị Ngô Thị L: Chị L yêu cầu anh N và chị T mỗi người phải trả cho chị số tiền 95.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi số tiền này. Vào ngày 08/6/2017, chị L đã có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa giải quyết.

Ngày 08 tháng 06 năm 2017, Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án số 42/TB-TA ngày 08/6/2017, về việc yêu cầu chị L nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu độc lập của chị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo là ngày 08/6/2017 nhưng hết thời hạn được quy định, chị L đã không nộp tiền tạm ứng án phí theo nội dung đã được thông báo.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án dân sự phải nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm...trừ trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí*”;

Và tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*...Trong thời hạn 07 ngày*

kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí”; điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Tòa án trả lại đơn khởi kiện trong các trường hợp sau: Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật này mà người khởi kiện không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, trừ trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc có trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng”.

Do vậy, việc chị L có nộp đơn yêu cầu độc lập và Tòa án có ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, tổng đạt hợp lệ thông báo cho chị L là đúng theo quy định pháp luật nhưng chị L không thực hiện. Do vậy, Tòa án trả lại đơn yêu cầu độc lập và không thụ lý giải quyết đối với yêu cầu của chị L trong cùng vụ án này là phù hợp.

Nếu sau này chị Ngô Thị L khởi kiện lại sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự: Anh Lê Bình Phương N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; điểm d khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 195; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Bình Phương N đối với chị Cao Kim T.

2/. *Về con chung:* Anh N và chị T thống nhất xác định anh chị không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3/. *Về tài sản chung:* Anh N và chị T thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4/. *Về nợ chung:* Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu chị Ngô Thị L có yêu cầu thì có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

5/. *Về án phí:* Anh Lê Bình Phương N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh N đã dự nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007316 ngày 6/3/2017 tại Chi Cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị T, chị L và bà L vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thành Tp. Bạc Liêu;
- CCTHADS Tp. B;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Quỳnh